

Số: 01/2023/QĐST-DS

Long Thành, ngày 30 tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v: “Yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự”

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Tấn Cảnh.

Thư ký phiên họp: Bà Lê Thị Hoài Diễm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên họp:
Bà Nguyễn Thị Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 338/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2022. Về việc “Yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 03/2023/QĐST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh Trần Minh V, sinh năm: 1998.

Nơi cư trú: Tổ 8, ấp 2, xã Bàu C, huyện Long T, tỉnh Đồng N.

Người bị yêu cầu: Bà Trịnh Thúy P, sinh năm: 1972.

Nơi đăng ký thường trú: Tổ 8, ấp 2, xã Bàu C, huyện Long T, tỉnh Đồng N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- Bà Tiền Phổ M, sinh năm: 1951.

2- Bà Trịnh Thiếu Y, sinh năm: 1976.

3- Bà Trịnh Thiếu O, sinh năm: 1983.

4- Anh Trần Minh V, sinh năm: 1996.

Cùng nơi đăng ký thường trú: Tổ 8, ấp 2, xã Bàu C, huyện Long T, tỉnh Đồng N. (Các đương sự có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 07/11/2022, bản tự khai ngày 23/11/2022, người yêu cầu giải quyết việc dân sự anh Trần Minh V trình bày: Anh là con đẻ của bà Trịnh Thúy P, chồng bà P là ông Trần Minh Q chung

sống với bà P không có đăng ký kết hôn. Đến năm 2001, ông Q không còn chung sống với bà P nữa. Hiện không rõ ông Q cư trú tại đâu.

Ông Q, bà P có 02 người con.

1) Trần Minh V, sinh năm: 1996.

2) Trần Minh V, sinh năm: 1998.

Trước đây, bà P làm công nhân cạo mủ cao su. Năm 2001, thì bà có bệnh mất ngủ, nói nhảm... gia đình đã đưa bà P đi khám bệnh tại Bệnh viện Tâm Thần Thành phố Hồ Chí M. Chuẩn đoán, bà P bị “Tâm thần phân liệt”. Đến năm 2022, bệnh nặng hơn, gia đình đưa bà P đến Bệnh viện Tâm Thần Trung Ương 2- Biên H để khám bệnh. Tại phiếu khám sức khỏe tâm thần ngày 18/10/2022. Kết luận: Bà bị Tâm thần phân liệt thể di chứng (F20.5-IDD 10). Thời gian ở tại gia đình, bà P mất hoàn toàn khả năng nhận thức, không làm chủ được hành vi của mình.

Nay, anh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Thành giải quyết: Tuyên bố bà Trịnh Thúy P mất năng lực hành vi dân sự và đề nghị Tòa án chỉ định anh là người đại diện hợp pháp cho bà P.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên họp:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Thẩm phán chủ tọa phiên họp, Thư ký phiên họp tiến hành tố tụng đúng quy định. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được đảm bảo thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, kết luận giám định Pháp y tâm thần số: 14/KL-VPYTW ngày 10/01/2023 của Viện Pháp Y Tâm Thần Trung Ương Biên H đã kết luận bà Trịnh Thúy P.

Về y học: Hiện nay, đương sự bị bệnh **Mất trí thực tổn (F02.8 – ICD.10).**

Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Hiện nay, đương sự mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Long Thành chấp nhận yêu cầu của anh V về việc yêu cầu tuyên bố bà Trịnh Thúy P mất năng lực hành vi dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Long Thành nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Trần Minh V yêu cầu tuyên bố bà Trịnh Thúy P mất năng lực hành vi dân sự. Đây, là yêu cầu về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà P cư trú tại xã Bàu C, huyện Long T, tỉnh Đồng N nên Tòa án nhân dân huyện Long Thành có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 35 và điểm a khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về tố tụng: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Căn cứ đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 07/11/2002 của anh V và các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Năm 2001, bà phát bệnh mất ngủ, nói nhảm... gia đình đã đưa bà P đi khám bệnh tại bệnh viện Tâm Thần Thành phố Hồ Chí M. Chuẩn đoán “Tâm thần phân liệt” uống thuốc theo chỉ định của Bác sỹ. Đến năm 2022, bệnh nặng hơn, gia đình đưa bà P đến bệnh viện Tâm Thần Trung Ương Biên H để khám bệnh. Tại phiếu khám sức khỏe tâm thần ngày 18/10/2022. Kết luận: Bà P bị Tâm thần phân liệt thể di chứng (F20.5-IDD 10). Anh V yêu cầu Tòa án tuyên bố bà P mất năng lực hành vi dân sự để thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến quyền và nghĩa vụ của bà P.

Căn cứ bản tự khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà M, bà Y, Bà O, anh V, thống nhất yêu cầu Tòa án tuyên bố bà P mất năng lực hành vi dân sự.

Theo khoản 1 Điều 22 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Khi một người do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án ra quyết định tuyên bố người này là người mất năng lực hành vi dân sự trên cơ sở kết luận giám định pháp y tâm thần”.

Ngày 23/11/2022, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã ra Quyết định trưng cầu giám định số: 1063/2022/QĐ-TCGD.

Tại Kết luận giám định Pháp y tâm thần số: 14/KL-VPYTW ngày 10/01/2023 của Viện Pháp Y Tâm Thần Trung Ương Biên Hòa đối với bà Trịnh Thúy P.

Về y học: Hiện nay, đương sự bị bệnh **Mất trí thực tổn (F02.8 – ICD.10).**

Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Hiện nay, đương sự mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Việc anh Trần Minh V yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Trịnh Thúy P mất năng lực hành vi dân sự là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Tòa án nên ghi nhận.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Trần Minh V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 27, khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 367, Điều 369, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 378 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 22 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh Trần Minh V về việc “Yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự” đối với bà Trịnh Thúy P.

Tuyên bố bà Trịnh Thúy P, sinh năm: 1972. Nơi đăng ký thường trú: Tổ 8, ấp 2, xã Bàu C, huyện Long T, tỉnh Đồng N mất năng lực hành vi dân sự.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Trần Minh V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng tiền lệ phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006500 ngày 15/11/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Anh V đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Anh V, bà M, bà Y, bà O, anh V có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định giải quyết việc dân sự được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Long Thành;
- UBND xã Bàu C;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Cảnh

Mẫu số 22-VDS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/...../QĐST-.....⁽²⁾

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v⁽³⁾

TÒA ÁN NHÂN DÂN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà)

Các Thẩm phán: ⁽⁴⁾ Ông (Bà)

Ông (Bà)

Thư ký phiên họp: Ông (Bà)⁽⁵⁾

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên họp:

Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Ngày..... tháng..... năm....., tại⁽⁶⁾ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số/...../TLST-.... ngày.... tháng năm..... về việc⁽⁷⁾ theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số//QĐST-..... ngày.... tháng.... năm....., gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*⁽⁸⁾

.....

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽⁹⁾

.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: ⁽¹⁰⁾.....

.....

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*⁽¹¹⁾

.....

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹²⁾

.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹³⁾

.....

- *Người làm chứng (nếu có):*⁽¹⁴⁾

.....

- Người phiên dịch (nếu có):⁽¹⁵⁾

.....

- Người giám định (nếu có):⁽¹⁶⁾

.....

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:⁽¹⁷⁾

.....

.....

.....

.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân nhận định:⁽¹⁸⁾

[1]

.....

[2].....

.....

[3].....

.....

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ⁽¹⁹⁾

.....

- (20)

.....

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự⁽²¹⁾

.....

- Quyền kháng cáo, kháng nghị⁽²²⁾

.....

- Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án⁽²³⁾

.....

Nơi nhận:

- Ghi theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 370 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP ⁽²⁴⁾
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”).

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm”

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tại là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng..... năm....).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”